TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 178/2024/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 02 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 193/2024/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2024, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Ái N, sinh năm 1972

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1969

Cùng trú tại: Tổ dân phố GB, phường ĐB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 146; Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Ái N và anh Nguyễn Xuân T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ái N và anh Nguyễn Xuân T nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều H, sinh ngày 27/01/1993 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 04/12/2003.

Các con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có, tài sản chung tự thoả thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

2.4. Án phí: Chị Trần Thị Ái N tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp sang theo biên lai số 0002701 ngày 09/04/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Nguyên. Hoàn lại cho chị N 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường Đồng Bẩm, TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân